

QUỐC HỘI
Số: 3-LCT/HĐNN7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 1981

LUẬT

TỔ CHỨC TOÀ ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều từ 127 đến 137 của Hiến pháp về nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của các Toà án nhân dân;

Luật này quy định về tổ chức các Toà án nhân dân.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Các Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Toà án nhân dân xét xử những vụ án hình sự, những vụ án dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình, và những việc khác do pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân.

Trong phạm vi chức năng của mình, Toà án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Bằng hoạt động của mình, Toà án nhân dân góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, kỷ luật lao động, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, phòng ngừa và chống các tội phạm và các việc làm vi phạm pháp luật, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Điều 2

Các Toà án nhân dân gồm có:

Toà án nhân dân tối cao;

Các Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;

Các Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Các Toà án quân sự.

Trong tình hình đặc biệt hoặc trong trường hợp cần xét xử những vụ án đặc biệt, Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước có thể quyết định thành lập Toà án đặc biệt.

ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân, theo quy định của pháp luật.

Tổ chức của các Toà án quân sự do Hội đồng Nhà nước quy định.

Điều 3

Chế độ bầu cử thẩm phán được thực hiện ở Toà án nhân dân các cấp.

Chánh án, Phó Chánh án và thẩm phán của mỗi Toà án nhân dân do cơ quan quyền lực Nhà nước cùng cấp bầu ra và có thể bị cơ quan này bãi miễn.

Nhiệm kỳ của Chánh án, Phó Chánh án và thẩm phán Toà án nhân dân các cấp theo nhiệm kỳ của cơ quan bầu ra mình.

Điều 4

Việc xét xử ở Toà án nhân dân có hội thẩm nhân dân tham gia, theo quy định của pháp luật.

Khi xét xử, hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân của mỗi Toà án nhân dân do cơ quan quyền lực Nhà nước cùng cấp bầu ra và có thể bị cơ quan này bãi miễn.

Nhiệm kỳ của hội thẩm nhân dân Toà án nhân dân tối cao là hai năm rưỡi. Nhiệm kỳ của hội thẩm nhân dân các Toà án nhân dân địa phương là hai năm.

Điều 5

Toà án nhân dân xét xử theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, thành phần xã hội và địa vị xã hội.

Điều 6

Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 7

Toà án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Thành phần hội đồng xét xử ở mỗi cấp do pháp luật về thủ tục xét xử quy định.

Điều 8

Toà án nhân dân xét xử công khai, trừ trường hợp đặc biệt mà Toà án nhân dân xét thấy cần xử kín để giữ gìn bí mật Nhà nước hoặc giữ gìn đạo đức xã hội.

Điều 9

Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm.

Bị cáo có quyền tự bào chữa, hoặc nhờ luật sư, bào chữa viên nhân dân bào chữa cho mình. Trong những trường hợp do pháp luật quy định, Toà án nhân dân chỉ định người bào chữa cho bị cáo.

Các đương sự khác có quyền nhờ luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Điều 10

Toà án nhân dân bảo đảm cho công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc các dân tộc quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước Toà án.

Điều 11

Bị cáo và các đương sự khác có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị, theo quy định của pháp luật, đối với những bản án và quyết định sơ thẩm của Toà án nhân dân.

Bản án và quyết định phúc thẩm là chung thẩm.

Điều 12

Những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật được xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, nếu thấy có vi phạm pháp luật, hoặc được xét lại theo thủ tục tái thẩm, nếu phát hiện những tình tiết mới.

Điều 13

Những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng.

Trong phạm vi chức năng của mình, các cơ quan Công an, các trại giam, các chấp hành viên và các cơ quan hữu quan khác phải nghiêm chỉnh chấp hành những bản án, những quyết định của Toà án nhân dân, và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ đó.

Bản án tử hình được thi hành nếu không có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Trong trường hợp người bị án xin ân giảm án tử hình thì Hội đồng Nhà nước xét đơn xin ân giảm;

bản án được thi hành nếu Hội đồng Nhà nước bác đơn xin ân giảm.

Điều 14

Toà án nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan Nhà nước, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị vũ trang nhân dân khắc phục những thiếu sót trong công tác quản lý đã là nguyên nhân hoặc điều kiện phát sinh tội phạm hoặc việc làm vi phạm pháp luật. Các tổ chức nói trên phải trả lời Toà án nhân dân về kiến nghị đó.

Điều 15

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố trước Toà án nhân dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể và quyền lợi chính đáng của công dân, khởi tố vụ án dân sự trong những trường hợp cần thiết, tham gia tố tụng tại phiên toà và kháng nghị, theo quy định của pháp luật, đối với những bản án hoặc quyết định của Toà án nhân dân.

Điều 16

Việc quản lý các Toà án nhân dân địa phương về mặt tổ chức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp đảm nhiệm. Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với Chánh án Toà án nhân dân tối cao trong việc thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 17

Toà án nhân dân dựa vào các tổ chức xã hội để phát huy tác dụng giáo dục của phiên toà và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp hành những bản án và quyết định của Toà án nhân dân.

Điều 18

Toà án nhân dân cùng với Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan Công an, Thanh tra, Tư pháp và các cơ quan hữu quan khác nghiên cứu và thực hiện những chủ trương, biện pháp nhằm phòng ngừa và chống các tội phạm và các việc làm vi phạm pháp luật.

Điều 19

Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước. Các Toà án nhân dân địa phương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp.

NHIỆM VỤ, THẨM QUYỀN VÀ TỔ CHỨC
CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN CÁC CẤP
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Điều 20

Toà án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn các Toà án nhân dân địa phương và các Toà án quân sự áp dụng thống nhất pháp luật và đường lối xét xử, giám đốc việc xét xử của các toà án đó và tổng kết kinh nghiệm xét xử.

Toà án nhân dân tối cao giám đốc việc xét xử của Toà án đặc biệt, trừ trường hợp Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước quy định khác khi thành lập các Toà án đó.

Toà án nhân dân tối cao trình Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước những dự án luật, dự án pháp lệnh về công tác xét xử.

Điều 21

Toà án nhân dân tối cao có thẩm quyền:

- 1/ Sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp;
- 2/ Phúc thẩm những bản án và quyết định sơ thẩm của các Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;
- 3/ Giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương.

Điều 22

Toà án nhân dân tối cao có Chánh án, các Phó Chánh án, các thẩm phán và các hội thẩm nhân dân.

Tổ chức Toà án nhân dân tối cao gồm có:

Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Các Toà chuyên trách và Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao;

Bộ máy giúp việc của Toà án nhân dân tối cao.

Điều 23